

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/23/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2020

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày 26/11/2020...

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực tài chính, ngân sách

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Bí mật nhà nước độ Tối mật gồm:

1. Thông tin về tài chính, ngân sách:

Tờ trình, báo cáo, phương án, thuyết minh, số liệu về chính sách tài chính - ngân sách nhà nước chi tiết trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ trong trường hợp có chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

2. Thông tin về dự trữ quốc gia:

a) Kế hoạch dự trữ quốc gia do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý.

b) Kế hoạch tài chính 03 năm, dự toán, quyết toán chi ngân sách nhà nước cho dự trữ quốc gia do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý.

c) Số liệu tuyệt đối về số lượng và giá trị hàng dự trữ quốc gia do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý.

d) Quy hoạch chi tiết hệ thống kho dự trữ quốc gia do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý.

3. Thông tin về hải quan:

Hồ sơ cơ sở bí mật gồm:

a) Quyết định lập/kết thúc hồ sơ cơ sở bí mật, quyết định phê duyệt/kết thúc/thanh loại cơ sở bí mật, giấy yêu cầu xác minh về người dự kiến xây dựng cơ sở bí mật, thẻ đăng ký cơ sở bí mật.

b) Báo cáo xây dựng cơ sở bí mật, báo cáo xác minh lý lịch cơ sở bí mật, báo cáo kết thúc/thanh loại cơ sở bí mật, báo cáo kết quả giao nhiệm vụ thử thách, báo cáo về việc kết nạp cơ sở bí mật, báo cáo nhận xét, đánh giá cơ sở bí mật, báo cáo kết quả sinh hoạt cơ sở bí mật, báo cáo tin tức của cơ sở bí mật hoặc do công chức kiểm soát hải quan ghi lại theo cung cấp của cơ sở bí mật, báo cáo kiểm tra cơ sở bí mật.

c) Kế hoạch tuyển chọn cơ sở bí mật, kế hoạch kết nạp cơ sở bí mật; kế hoạch sinh hoạt cơ sở bí mật định kỳ, đột xuất.

d) Phiếu chi, chứng từ thanh toán, quyết toán kinh phí cho hoạt động của cơ sở bí mật.

Điều 2. Bí mật nhà nước độ Mật gồm:

1. Thông tin về tài chính, ngân sách:

a) Tài liệu, số liệu viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài đối với những nhiệm vụ do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao quản lý chưa công khai.

b) Phương án Chiến lược tài chính, phương án Kế hoạch tài chính 05 năm và phương án ngân sách hằng năm có chứa số liệu chi tiết thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ban Chấp hành và Thường vụ đảng ủy cấp tỉnh, thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Phương án tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

d) Phương án đầu tư tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp hàng năm chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm, dự toán ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách hàng năm của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

e) Phương án xây dựng chính sách tài chính trình xin chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chưa công bố.

g) Phương án giá in tiền giấy, các giấy tờ có giá, sản xuất tiền kim loại và in, đúc vàng miếng.

h) Báo cáo của Bộ Tài chính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có nội dung về phương án điều hành giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu chưa công khai.

2. Thông tin về kho bạc nhà nước và tài chính ngân hàng:

a) Phương án tạm ứng từ Ngân hàng Nhà nước cho ngân sách trung ương; phương án phát hành trực tiếp tín phiếu Kho bạc Nhà nước cho Ngân hàng Nhà nước chưa công khai.

b) Số liệu tổng hợp về kim loại quý hiếm, đá quý và vật quý hiếm khác của Nhà nước giao Kho bạc Nhà nước bảo quản chưa công khai.

c) Bản thiết kế bảo đảm an ninh, an toàn kho tiền, kho chứa kim loại quý hiếm, đá quý và vật quý hiếm khác của hệ thống Kho bạc Nhà nước; phương án di dời kho tiền, kho chứa kim loại quý hiếm, đá quý và vật quý hiếm khác của hệ thống Kho bạc Nhà nước; phương án vận chuyển tiền, kim loại quý hiếm, đá quý và vật quý hiếm khác của hệ thống Kho bạc Nhà nước.

d) Thông báo của Bộ Tài chính về khung lãi suất phát hành trái phiếu Chính phủ gửi Kho bạc Nhà nước; thông báo của Bộ Tài chính về khung lãi suất phát hành trái phiếu chính quyền địa phương gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phát hành trái phiếu chính quyền địa phương; thông báo của Bộ Tài chính về khung lãi suất phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh gửi Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam; thông báo của Bộ Tài chính về lãi suất tối thiểu gửi tiền có kỳ hạn ngân quỹ Nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước.

3. Thông tin về dự trữ quốc gia:

a) Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia.

b) Quy hoạch chi tiết hệ thống kho dự trữ quốc gia do các bộ, ngành quản lý (trừ hệ thống kho dự trữ quốc gia do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý).

c) Kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm, dự toán ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách hàng năm chi cho dự trữ quốc gia (trừ nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định này).

4. Thông tin về hải quan:

a) Sơ đồ mạng truyền tin và quy ước liên lạc của lực lượng chống buôn lậu hải quan.

b) Thông tin, tài liệu về công tác điều tra, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm, vụ án hình sự chưa công khai gồm: Quyết định dẫn giải, quyết định áp giải, phương án hoặc kế hoạch dẫn giải, áp giải của cơ quan Hải quan có thẩm quyền khi chưa thực hiện. Kế hoạch điều tra ban đầu vụ án hình sự, báo cáo kết quả điều tra ban đầu vụ án hình sự.

c) Kế hoạch triển khai công tác kiểm soát hải quan hàng năm, kế hoạch phối hợp, văn bản trao đổi ý kiến về hướng giải quyết vụ án hình sự, vụ việc đấu tranh phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, ma túy qua biên giới chưa công khai; báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan sáu tháng, một năm.

d) Hồ sơ triển khai thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan gồm:

- Hồ sơ điều tra nghiên cứu nắm tình hình (về địa bàn; tuyến vận chuyển hàng hóa; về vụ việc, hiện tượng bất thường; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, vận chuyển hàng hóa; tổ chức có hoạt động xuất nhập khẩu và cá nhân có điều kiện, khả năng hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới) gồm: Kế hoạch điều tra nghiên cứu nắm tình hình, báo cáo đề xuất lập/kết thúc hồ sơ, quyết định lập/kết thúc hồ sơ, báo cáo kết quả và báo cáo bổ sung kết quả điều tra nghiên cứu nắm tình hình; báo cáo và đề xuất của công chức hải quan trong quá trình tiến hành điều tra nghiên cứu nắm tình hình, danh sách đối tượng.

- Hồ sơ sưu tra: Kế hoạch sưu tra đối tượng, kế hoạch quản lý đối tượng sưu tra, quyết định lập/kết thúc hồ sơ sưu tra, thẻ sưu tra, báo cáo đề xuất lập/kết thúc hồ sơ sưu tra, báo cáo đề xuất phê duyệt sưu tra (hoặc kết thúc sưu tra đối tượng); báo cáo bổ sung, đánh giá về đối tượng sưu tra.

- Thu thập, xử lý thông tin: Tin, tài liệu thu được qua công tác nghiệp vụ và công tác đấu tranh chuyên án của lực lượng Hải quan về hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, hàng giả, hàng cấm, ma túy, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ qua biên giới; thông tin về tên gọi của tổ chức, danh tính cá nhân báo tin về hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, hàng giả, hàng cấm, ma túy, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ qua biên giới; tin báo, văn bản trao đổi của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong nước và cơ quan chống buôn lậu của Hải quan nước ngoài về hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, hàng giả, hàng cấm, ma túy, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ qua biên giới.

- Trình sát ngoại tuyến: Báo cáo đề xuất, kế hoạch trình sát ngoại tuyến, quyết định sử dụng biện pháp trình sát ngoại tuyến, báo cáo kết quả trình sát ngoại tuyến.

- Trình sát kỹ thuật: Báo cáo đề xuất, kế hoạch trình sát kỹ thuật, quyết định sử dụng biện pháp trình sát kỹ thuật, báo cáo kết quả trình sát kỹ thuật.

- Hồ sơ đấu tranh chuyên án: Quyết định lập hồ sơ, quyết định xác lập chuyên án và thành lập ban chuyên án, quyết định điều động/thay đổi thành viên tham gia chuyên án, quyết định phá án, tạm đình chỉ, đình chỉ, phục hồi chuyên án. Kế hoạch đấu tranh chuyên án; kế hoạch thực hiện theo các yêu cầu đấu tranh hoặc tình huống nghiệp vụ và hướng phát triển của chuyên án, kế hoạch phá án, kế hoạch chuyên hóa tài liệu trình sát thành chứng cứ, kế hoạch rút cơ sở bí mật ra khỏi chuyên án. Báo cáo xác lập chuyên án; báo cáo, tài liệu trình sát làm căn cứ, cơ sở cho việc xác lập chuyên án, báo cáo thực hiện kế hoạch chuyên án; báo cáo kết quả công tác của tổ, nhóm, công chức, người tham gia chuyên án; báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên án và các báo cáo có liên quan đến chuyên án; biên bản họp chuyên án/ban chuyên án; văn bản chỉ đạo của ban chuyên án và của lãnh đạo cấp trên; tài liệu về dự toán, chi kinh phí phục vụ cho chuyên án.

đ) Danh mục dấu hiệu rủi ro; Bộ chỉ số tiêu chí quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; Danh sách doanh nghiệp trọng điểm trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cần áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro.

e) Tờ trình, báo cáo đề xuất chi mua tin; phiếu chi, chứng từ thanh toán, quyết toán kinh phí chi mua tin phục vụ công tác phòng, chống buôn lậu của ngành Hải quan.

g) Nội dung, chương trình đào tạo, sách, giáo trình, giáo án phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện, tập huấn các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan của ngành Hải quan.

h) Số liệu thống kê về cơ sở bí mật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2). 110



Nguyễn Xuân Phúc